

QUẬN PHÚ NHUẬN**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 794/2007/QĐ-UBND

*Phú Nhuận, ngày 13 tháng 9 năm 2007***QUYẾT ĐỊNH****Về việc ban hành Quy định xử lý vi phạm hành chính
trên địa bàn quận Phú Nhuận****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Căn cứ Nghị định số 124/2005/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định về biên lai thu tiền phạt và quản lý, sử dụng tiền nộp phạt vi phạm hành chính; Thông tư số 47/2006/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2005/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận (tại Tờ trình số 193/TT-VP ngày 13 tháng 9 năm 2007),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn quận Phú Nhuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận về ban hành Quy trình xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn quận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường, Trưởng Công an 15 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Công Nghĩa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn quận Phú Nhuận
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 794/2007/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Xử lý vi phạm hành chính

Xử lý vi phạm hành chính bao gồm xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính khác.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này xác định rõ thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền xử phạt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường và những người được giao nhiệm vụ đang thi hành công vụ.
2. Quy định chi tiết trình tự thủ tục xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn quận.
3. Phân định trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn có liên quan đến xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trên địa bàn quận mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính.

Chương II THẨM QUYỀN XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 4. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm hành chính của các cá nhân, tổ chức có thể áp dụng đồng thời hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng.

3. Quyết định áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

c) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi cây trồng, văn hóa phẩm độc hại.

4. Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại phường.

5. Quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính tạm giữ tang vật, phương tiện trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà.

Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải có quyết định bằng văn bản kèm theo biên bản tạm giữ và phải giao cho cá nhân, đại diện tổ chức vi phạm một bản.

Điều 5. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có quyền:

1. Quyết định áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm hành chính của các cá nhân, tổ chức có thể áp dụng đồng thời một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Quyết định áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

c) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi cây trồng, văn hóa phẩm độc hại.

4. Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng và áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh.

6. Quyết định giao trách nhiệm bảo lãnh hành chính cho gia đình, tổ chức xã hội nơi đối tượng cư trú.

Điều 6. Thẩm quyền của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000 đồng;

c) Áp dụng các biện pháp ngăn chặn: khám người và khám phương tiện đồ vật.

2. Đội trưởng của người quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000 đồng.

3. Trưởng Công an phường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm hành chính của các cá nhân, tổ chức có thể áp dụng đồng thời hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng;

d) Quyết định áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Điều 4 khoản 3 Quy định này;

đ) Quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính như: Tạm giữ người; tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; khám người; khám phương tiện vận tải, đồ vật và khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

4. Trưởng Công an quận có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Quyết định áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định này.

e) Quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính được quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này; Quyết định truy tìm đối tượng phải chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở chữa bệnh trong trường hợp bỏ trốn.

Điều 7. Thẩm quyền của cơ quan Thuế

1. Nhân viên Thuế đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội Thuế trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng.

3. Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận trong phạm vi địa bàn quản lý của mình có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các thủ tục thuế; phạt tiền theo quy định của các luật thuế chuyên ngành đối với các hành vi chậm nộp tiền thuế, khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, trốn thuế, gian lận thuế;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về thuế;

- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 8. Thẩm quyền của cơ quan quản lý thị trường

1. Kiểm soát viên Đội quản lý thị trường quận đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000 đồng;

c) Áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Quy định này.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường quận có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 30.000.000 đồng;

d) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng, văn hóa phẩm độc hại;

đ) Áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính được quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 6 Quy định này.

Điều 9. Ủy quyền xử lý vi phạm hành chính

1. Việc ủy quyền xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; Trưởng Công an phường; Trưởng Công an quận; Chi cục trưởng Chi cục Thuế và Đội trưởng Đội Quản lý Thị trường quận chỉ được thực hiện đối với cấp phó. Việc ủy quyền được thực hiện bằng văn bản và trong trường hợp cấp trưởng vắng mặt.

2. Cấp phó được cấp trưởng ủy quyền có quyền xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền của cấp trưởng và phải chịu trách nhiệm về quyết định xử lý vi phạm hành chính do mình thực hiện. Người được ủy quyền không được ủy quyền tiếp cho bất kỳ cá nhân nào khác.

Chương III

TRÌNH TỰ - THỦ TỤC XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 10. Thực hiện việc niêm yết các văn bản liên quan đến xử lý vi phạm hành chính

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình không nhận các văn bản liên quan đến việc xử lý vi phạm hành chính thì Ủy ban nhân dân phường sở tại phải lập biên bản niêm yết công khai các văn bản trên tại địa điểm vi phạm. Việc niêm yết có

sự chứng kiến đại diện cơ quan chuyên môn thuộc quận, Ban Điều hành Khu phố (Tổ dân phố) và Công an phường.

Điều 11. Đình chỉ hành vi vi phạm hành chính

Khi phát hiện vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định đình chỉ ngay hành vi vi phạm. Quyết định đình chỉ có thể là quyết định bằng văn bản hoặc quyết định thể hiện bằng lời nói, còi, tín hiệu hoặc các hình thức khác tùy từng trường hợp cụ thể.

Điều 12. Thủ tục xử phạt đơn giản

1. Xử phạt theo thủ tục đơn giản là trường hợp người có thẩm quyền xử phạt không lập biên bản mà ra quyết định xử phạt tại chỗ. Những trường hợp được tiến hành xử phạt theo thủ tục đơn giản bao gồm:

a) Hành vi vi phạm hành chính mà mức phạt quy định là cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 100.000 đồng;

b) Nhiều hành vi vi phạm hành chính do một người thực hiện mà hành vi và mức phạt quy định đối với mỗi hành vi này đều là phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 100.000 đồng.

2. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục đơn giản phải thể hiện bằng văn bản theo mẫu quyết định số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính (gọi tắt là Nghị định 134). Người bị xử phạt, tổ chức bị xử phạt có thể nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt và được nhận biên lai thu tiền phạt do Bộ Tài chính phát hành. Trong trường hợp không nộp tiền phạt tại chỗ, cá nhân, tổ chức vi phạm nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Mục 2

LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 13. Nguyên tắc lập biên bản vi phạm hành chính

1. Khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp xử phạt theo thủ tục đơn giản.

2. Biên bản vi phạm hành chính là cơ sở pháp lý để ra quyết định xử phạt vi

phạm hành chính, giải quyết khiếu nại tố cáo và khởi kiện ra Tòa án hành chính nên không được tẩy xóa, chỉnh sửa hoặc ghi thêm vào biên bản sau khi lập.

3. Biên bản phải được lập thành ít nhất là 02 bản; phải được người lập biên bản và cá nhân hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì họ cùng ký tên vào biên bản. Trong trường hợp biên bản gồm nhiều tờ thì những người nêu trên phải ký vào từng tờ biên bản.

4. Nếu cá nhân hoặc đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại từ chối ký tên vào biên bản thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do không ký vào biên bản.

5. Nếu cá nhân hoặc đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi xảy ra vi phạm thì vẫn tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính. Trong thành phần lập biên bản phải có người chứng kiến là Ban Điều hành Khu phố (Tổ dân phố), Công an phường và những người này phải ký tên vào biên bản vi phạm hành chính.

6. Người lập biên bản vi phạm hành chính có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường sở tại lập thủ tục giao biên bản đến cá nhân, tổ chức vi phạm trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày lập biên bản; nếu vụ vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì người đó phải gửi biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt.

Điều 14. Biên bản vi phạm hành chính

1. Khi người lập biên bản là người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì sử dụng mẫu biên bản vi phạm hành chính số 01 ban hành kèm theo Nghị định 134.

2. Khi người lập biên bản là người không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì sử dụng mẫu biên bản vi phạm hành chính số 01b ban hành kèm theo Nghị định 134. Trong trường hợp này thì thủ trưởng của người lập biên bản là người có thẩm quyền xử phạt phải ký tên vào biên bản; nếu cần thiết thì tiến hành xác minh trước khi ký biên bản.

3. Biên bản phạm hành chính phải mô tả chính xác, cụ thể, đầy đủ các hành vi vi phạm hành chính được pháp luật điều chỉnh và ghi rõ các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính, bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính (nếu có).

Mục 3

RA QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 15. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Vụ việc đơn giản, hành vi vi phạm rõ ràng, không cần xác minh thêm thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 10 (mười) ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo mẫu quyết định số 07 ban hành kèm theo Nghị định 134.

2. Vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp như tang vật phương tiện cần giám định, cần xác định rõ đối tượng vi phạm hành chính hoặc những tình tiết khác thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

3. Trong trường hợp cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì chậm nhất là 10 ngày trước khi hết thời hạn được quy định tại khoản 2 Điều này, người có thẩm quyền xử phạt có văn bản báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình để xin gia hạn; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời gian gia hạn không quá 30 ngày.

4. Người có thẩm quyền không được ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp sau:

a) Đã hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đã hết thời hạn ra quyết định xử phạt quy định tại khoản 2 Điều này mà không xin gia hạn hoặc đã xin gia hạn nhưng không được người có thẩm quyền chấp thuận;

c) Đã hết thời hạn được người có thẩm quyền gia hạn.

5. Trong trường hợp không ra quyết định xử phạt thì người có thẩm quyền vẫn có thể áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 3 Điều 12 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 16. Chuyển giao hồ sơ vi phạm hành chính trong trường hợp vượt quá thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường

1. Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý trật tự đô thị: chuyển hồ sơ cho Đội Quản lý Trật tự đô thị quận.

2. Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực văn hóa - xã hội: chuyển hồ sơ cho Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao quận.

3. Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm: chuyển hồ sơ cho Phòng Y tế quận.

4. Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và an ninh, trật tự an toàn xã hội: chuyển hồ sơ cho Công an quận.

Điều 17. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền trong các trường hợp sau:

1. Các hành vi vi phạm do Đội Quản lý trật tự đô thị quận, Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa, Đoàn Kiểm tra liên ngành việc thực hiện Bộ Luật Lao động, Đoàn Kiểm tra việc thực hiện về an toàn lao động và Đoàn Kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm quận lập biên bản vi phạm hành chính.

2. Các hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt (về hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả) của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

Điều 18. Trình tự, thủ tục ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận

1. Đối với vụ việc đơn giản

a) Trong thời hạn 04 (bốn) ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền xử phạt, Thủ trưởng các đơn vị quy định tại Điều 17 và Điều 18 khoản 1 Quy định này phải lập tờ trình, dự thảo quyết định xử phạt và chuyển giao toàn bộ hồ sơ vi phạm đến Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận;

b) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm rà soát hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 03 (ba) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

c) Chủ tịch (Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân quận ký quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 03 (ba) ngày.

2. Đối với vụ việc phức tạp

a) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, các cá nhân nêu tại điểm a khoản 1 Điều này phải lập tờ trình và dự thảo quyết định xử phạt và chuyển giao toàn bộ hồ sơ vi phạm đến Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận;

b) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận rà soát hồ sơ trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trong thời hạn rà soát, nếu không thống nhất với đề nghị xử phạt của Thủ trưởng các đơn vị thụ lý hồ sơ thì báo cáo người có thẩm quyền ký quyết định để xin ý kiến chỉ đạo làm phiếu trao đổi ý kiến, thống nhất quan điểm xử phạt với Thủ trưởng các đơn vị đó, thời hạn phúc đáp phiếu trao đổi là 03 (ba) ngày;

c) Chủ tịch (Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân quận ký quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 05 (năm) ngày.

3. Thành phần hồ sơ trình Chủ tịch (Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân quận

- a) Biên bản vi phạm hành chính;
- b) Các tài liệu chứng cứ có liên quan;
- c) Tờ trình tóm tắt nội dung vi phạm và đề nghị hình thức xử phạt;
- d) Phiếu trao đổi thống nhất ý kiến (nếu có);
- e) Dự thảo quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 19. Trường hợp vượt thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận

Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân có trách nhiệm dự thảo văn bản (kèm theo hồ sơ) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ký báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Điều 20. Phát hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận và Kho bạc Nhà nước quận trong thời hạn 03 (ba) ngày, kể từ ngày ra quyết định.

2. Thủ trưởng các cơ quan nêu tại Điều 19 khoản 1 điểm a Quy định này có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận cho các cá nhân, tổ chức bị xử phạt.

Điều 21. Chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Nếu cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này thì bị cưỡng chế thi hành.

3. Trường hợp đã qua 01 (một) năm mà người có thẩm quyền không thể giao quyết định xử phạt đến cá nhân bị xử phạt do người đó không đến nhận và không xác định được địa chỉ của họ hoặc lý do khách quan khác thì người đã ra quyết định xử phạt ra quyết định đình chỉ thi hành các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả ghi trong quyết định đối với người đó, trừ hình thức tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Đối với tang vật, phương tiện vi phạm đang bị tạm giữ thì áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 61 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính; nếu cần áp dụng biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh hoặc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng thì người có thẩm quyền phải tổ chức thực hiện các biện pháp này. Ngân sách Nhà nước chi trả cho việc thực hiện các biện pháp này hoặc được trừ vào tiền bán tang vật, phương tiện bị tịch thu (nếu có).

Điều 22. Hoãn chấp hành quyết định phạt tiền đối với cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính

1. Cá nhân bị phạt tiền từ 500.000 đồng trở lên có thể được hoãn chấp hành quyết định xử phạt trong trường hợp đang gặp khó khăn đặc biệt về kinh tế có đơn đề nghị được Ủy ban nhân dân phường nơi cá nhân đó cư trú hoặc tổ chức nơi cá nhân đó làm việc xác nhận.

2. Thời hạn hoãn chấp hành quyết định phạt tiền không quá 03 (ba) tháng, kể từ khi có quyết định hoãn.

3. Người đã ra quyết định phạt tiền có quyền quyết định hoãn chấp hành quyết định phạt tiền đó.

4. Người được hoãn chấp hành quyết định phạt tiền được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ quy định tại khoản 3 Điều 57 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 23. Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 01 (một) năm, kể từ ngày ra quyết định xử phạt; quá thời hạn mà quyết định đó không được thi hành thì không thi hành quyết định xử phạt nữa nhưng vẫn áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định.

Trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì thời hiệu nói trên được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn.

Mục 4

THỦ TỤC VÀ THỜI HIỆU THI HÀNH CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH KHÁC

Điều 24. Thủ tục áp dụng việc giáo dục tại phường

Áp dụng Mục 1 Chương VII Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 163/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Điều 25. Thủ tục đưa vào trường giáo dưỡng

Áp dụng Mục 2 Chương VII Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 142/2003/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng.

Điều 26. Thủ tục đưa vào cơ sở chữa bệnh

Áp dụng Mục 4 Chương VII Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc quận

1. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của mình hoặc do mình tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ký ban hành.
2. Ban hành hoặc đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành Quyết định cưỡng chế theo thẩm quyền đối với cá nhân, tổ chức không chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
3. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân phường sở tại tổ chức cưỡng chế thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
4. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và năm báo cáo Ủy ban nhân dân quận về tình hình xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình.

Điều 28. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường

1. Theo dõi, đôn đốc việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do mình ký và ban hành Quyết định cưỡng chế theo thẩm quyền đối với cá nhân, tổ chức không chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
2. Định kỳ hàng tháng, quý, 06 tháng và năm báo cáo tình hình ban hành quyết

định xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn quản lý.

3. Rà soát việc thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do mình ký ban hành đã hết thời hạn khiếu nại, tố cáo hoặc khiếu nại, tố cáo đã giải quyết xong (vào ngày 10 hàng tháng) để chuyển số tiền thu phạt hiện tạm giữ trên tài khoản tạm thu, tạm giữ vào ngân sách quận.

4. Kết thúc năm, chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 của năm sau, phối hợp với cơ quan, tổ chức của người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt thực hiện việc tổng rà soát các quyết định xử phạt vi phạm hành chính phát sinh trong năm để bảo đảm toàn bộ số tiền phạt theo các quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã hết thời hạn khiếu nại hoặc khiếu nại đã giải quyết xong trên tài khoản tạm thu, tạm giữ nộp vào ngân sách quận.

Điều 29. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước quận

Hàng ngày lập, gửi bảng kê thu tiền phạt hành chính trên các lĩnh vực (trừ lĩnh vực vi phạm an toàn giao thông) và giấy nộp tiền vào tài khoản tạm thu, tạm giữ cho Phòng Tài chính - Kế hoạch quận và Ủy ban nhân dân 15 phường theo quy định.

Điều 30. Trách nhiệm Phòng Tài chính - Kế hoạch

1. Chậm nhất vào ngày 10 hàng tháng, phối hợp với cơ quan, tổ chức của người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính để rà soát, xác định các trường hợp xử phạt vi phạm hành chính hết thời hạn khiếu nại, tố cáo hoặc khiếu nại, tố cáo đã giải quyết xong để chuyển kịp thời số tiền thu phạt trên tài khoản tạm thu, tạm giữ vào ngân sách quận.

2. Kết thúc năm, chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 của năm sau, phối hợp với cơ quan, tổ chức của người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt thực hiện việc tổng rà soát các quyết định xử phạt vi phạm hành chính phát sinh trong năm để bảo đảm toàn bộ số tiền phạt theo các quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã hết thời hạn khiếu nại hoặc khiếu nại đã giải quyết xong trên tài khoản tạm thu, tạm giữ chuyển vào ngân sách quận.

Điều 31. Trách nhiệm Chánh Văn phòng HĐND và UBND quận

1. Kiểm tra về trình tự thủ tục ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

2. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm tổng hợp báo cáo với Ủy ban nhân dân thành phố và các Sở, ngành chức năng về tình hình ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 32. Trách nhiệm của Trưởng Phòng Tư pháp

Phổ biến tuyên truyền và xây dựng đề cương tóm tắt Quy định này gửi đến các cơ quan chuyên môn thuộc quận và Ủy ban nhân dân 15 phường để triển khai thực hiện.

Điều 33. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tổ chức có thành tích trong đấu tranh phòng và chống vi phạm hành chính được khen thưởng theo quy định của pháp luật về khen thưởng.

2. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính mà sách nhiễu bao che không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, không đúng mức; thiếu trách nhiệm để quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính; không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trái pháp luật, có lỗi trong việc đề hồ sơ quá thời hạn ban hành quyết định xử phạt thì bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Cá nhân bị xử lý vi phạm hành chính nếu có hành vi chống đối người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh việc chấp hành hoặc có những hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Nghiêm cấm sử dụng tiền thu được từ xử phạt vi phạm hành chính hoặc từ việc bán tang vật, phương tiện bị tịch thu để trích thưởng./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Công Nghĩa